

Số: 2903/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 25 tháng 12 năm 2013

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết  
khu đô thị Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn, tỷ lệ 1/500

### ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của UBND thị xã Bắc Kạn về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, phương án khảo sát lập quy hoạch chi tiết khu đô thị Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo số: 240/BCTĐ-QLĐT ngày 25/12/2013 Báo cáo kết quả thẩm định Quy hoạch chi tiết khu đô thị Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết khu đô thị Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn, tỷ lệ 1/500 với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết khu đô thị Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn.

2. Phạm vi, ranh giới và diện tích quy hoạch:

a). Khu phía Bắc: Diện tích 14,00 ha, ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp xã Cẩm Giàng, xã Hà Vị, huyện Bạch Thông; Phía Nam giáp thôn Giao Lâm; Phía Đông giáp thôn Khuổi Lặng, Nà Pài, Giao Lâm; Phía Tây giáp thôn Khuổi Lặng, Nà Pài.

b). Khu phía Nam: Diện tích 101,63 ha, ranh giới được xác định như sau:

Khuổi Lặng, Nà Pài.

b). Khu phía Nam: Diện tích 101,63 ha, ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc giáp Bệnh viện đa khoa 500 giường, phường Nguyễn Thị Minh Khai; Phía Nam giáp sông Cầu, phường Nguyễn Thị Minh Khai; Phía Đông giáp cụm công nghiệp Huyền Tung; thôn Khuổi Hẻo, Nà Pam, Khuổi Mật; Phía Tây giáp phường Nguyễn Thị Minh Khai.

c). Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch là 115,64 ha.

### 3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

a). Tính chất: Là khu đô thị cửa ngõ phía Bắc thị xã Bắc Kạn, tập trung dân cư mật độ cao, có cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; có không gian kiến trúc cảnh quan đặc trưng của đô thị miền núi, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b). Mục tiêu:

Quy hoạch khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan, tuân thủ đúng quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, cụ thể hoá Đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

Tạo môi trường sống tốt cho nhân dân; đảm bảo lợi ích của cộng đồng dân cư trong phạm vi quy hoạch; phục vụ nhu cầu phát triển thị xã Bắc Kạn và nâng cao chất lượng sống cho người dân;

Khai thác sử dụng đất đai hợp lý, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

Quy hoạch khu đô thị mới theo định hướng phát triển đô thị, thị xã Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn của thành phố Bắc Kạn, thuộc tỉnh Bắc Kạn.

### 4. Phân khu chức năng:

a). Khu phía Bắc: Với các chức năng chủ yếu sau:

- Các công trình xã hội: Trại giống thủy sản Bắc Kạn, Đất kinh doanh (Cây xăng Hoàng Tiến), Đất công cộng;
- Đất dân cư hiện trạng;
- Đất dân cư mới;
- Đất cây xanh;
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

b). Khu phía Nam: Với các chức năng chủ yếu sau:

- Các công trình xã hội: Trụ sở cơ quan xã; Trạm y tế; sân luyện tập thể thao; câu lạc bộ văn hóa; trung tâm thương mại; siêu thị; bưu điện; đất công cộng; nhà trẻ, trường mầm non; trường tiểu học, trường THCS;
- Đất dân cư mới;
- Đất dân cư hiện trạng;

- Đất cây xanh cảnh quan và mặt nước;
- Đất nông nghiệp;
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

## 5. Quy hoạch sử dụng đất:

### a). Khu phía Bắc:

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích	
			m <sup>2</sup>	ha
	<b>Tổng diện tích quy hoạch</b>		<b>140.047</b>	<b>14,00</b>
A	Các công trình xã hội		22.631	2,26
1	Trại giống thủy sản Bắc Kạn - lô số 1	TS1	6.705	0,67
2	Trại giống thủy sản Bắc Kạn - lô số 2	TS2	10.866	1,09
3	Công ty TNHH MTV QL&SC đường bộ 244	TS3	1.040	0,10
4	Đất kinh doanh (Cây xăng Hoàng Tiến)	KD	2.589	0,26
5	Đất công cộng	CC	1.431	0,14
B	Đất dân cư hiện trạng	ONT	11.216	1,12
C	Đất dân cư mới	DC	38.725	3,87
D	Đất cây xanh	CX	19.272	1,93
E	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật		48.201	4,82
1	Bãi đỗ xe	HT	1.670	0,17
2	Đường giao thông chính		46.531	4,65

### b). Khu phía Nam:

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích	
			m <sup>2</sup>	ha
	<b>Tổng diện tích quy hoạch</b>		<b>1.016.345</b>	<b>101,63</b>
A	Các công trình xã hội		57.973	5,80
1	Trụ sở cơ quan	TSC	3.960	0,40
2	Trạm y tế	DYT	2.996	0,30
3	Sân luyện tập thể thao	DTT	11.848	1,18
4	Câu lạc bộ văn hóa	DVH	5.617	0,56
5	Trung tâm thương mại	TM	8.761	0,88
6	Siêu thị	ST	4.744	0,47
7	Bưu điện	BĐ	283	0,03
8	Đất công cộng - lô 1	CC1	354	0,04
9	Đất công cộng - lô 2	CC2	740	0,07
10	Nhà trẻ, trường mầm non	GD1	5.544	0,55
11	Trường tiểu học	GD2	7.005	0,70
12	Trường THCS	GD3	6.121	0,61
B	Đất dân cư mới	DC	70.515	7,05
C	Đất dân cư hiện trạng	ONT	132.384	13,24
D	Đất cây xanh cảnh quan và mặt	CX	173.145	17,31

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích	
			m <sup>2</sup>	ha
	nước			
E	Đất nông nghiệp	LUC	396.778	39,68
F	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	HT	185.550	18,55
1	Bãi đỗ xe - lô 1	HT1	920	0,09
2	Bãi đỗ xe - lô 2	HT2	1.084	0,11
3	Bãi đỗ xe - lô 3	HT3	271	0,03
4	Bãi đỗ xe - lô 4	HT4	1.861	0,19
5	Đường giao thông chính		181.414	18,14

## 6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

### a). San nền:

Cốt san nền thấp nhất là + 133,00 m khu vực ven sông Cầu đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất lũ P=5%; các khu vực khác chịu ảnh hưởng thủy văn của các dòng suối tự nhiên cos san nền được chọn dựa theo cos đường giao thông chính và các khu vực công trình, dân cư hiện trạng.

### b). Quy hoạch giao thông:

Bảng thống kê mặt cắt chiều rộng mạng lưới giao thông chính

Stt	Mặt cắt	Loại đường	Chiều rộng (m)			Lộ giới (m)		
			Via hè, lề đường	Dải phân cách (hành lang HTKT)	Mặt đường			
1	1 - 1	Đường Hoàng Văn Thụ	6,0	x	2	-	15,00	27,0
2	1'- 1'	Đường Chiến Thắng Phủ Thông	5,0	x	2	2,00	15,00	27,0
3	2 - 2	Đường vào cụm công nghiệp Huyện Tụng	5,0	x	2	-	10,50	20,5
4	3 - 3	Đường kết nối từ QL3 đi xã Xuất Hóa	3,0	x	2	-	10,50	16,5
5	4 - 4	Đường nội bộ khu dân cư	3,0	x	2	-	7,50	13,5
6	5 - 5	Đường nội bộ khu dân cư	3,0	x	2	-	6,00	12,0
7	6 - 6	Đường nội bộ khu dân cư	1,0	x	2	-	5,50	7,5

Bảng thống kê chiều dài các tuyến giao thông chính:

Stt	Mặt cắt	Ký hiệu	Đơn vị tính	Chiều dài
1	1 - 1	MC 1-1	m	1.485
2	1'- 1'	MC 1'-1'	m	1.018
3	2 - 2	MC 2-2	m	2.032
4	3 - 3	MC 3-3	m	721
5	4 - 4	MC 4-4	m	591,50
6	5 - 5	MC 5-5	m	3.791

0/14

Stt	Mặt cắt	Ký hiệu	Đơn vị tính	Chiều dài
7	6 - 6	MC 6-6	m	2.487
	Cộng		m	12.125,5

Bãi đỗ xe: Gồm 5 bãi đỗ xe với tổng diện tích 5.806 m<sup>2</sup>.

c). Cấp nước:

Nguồn nước cấp: Được lấy từ nhà máy nước sạch số 2 (theo Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2020 và định hướng đến năm 2030) công suất đợt đầu: 2.700 m<sup>3</sup>/ngđ, đợt sau 7.600 m<sup>3</sup>/ngđ. Đường ống dẫn đến khu vực quy hoạch: D110 cho khu ven sông Cầu, D200 trên đường Hoàng Văn Thụ, D110 cấp cho khu phía Bắc.

Tổng nhu cầu dùng nước khoảng: 961 m<sup>3</sup>/ngđ.

d). Cấp điện:

Nguồn cấp điện lấy từ hệ thống đường dây trung áp 22KV, 35KV từ trạm 110KV Bắc Kạn 2x25MVA (theo Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2020 và định hướng đến năm 2030).

Điện chiếu sáng: chiếu sáng dọc tuyến đường chính bằng đèn cao 150W - 250W, cần đèn 1,5m đi nhờ cột hạ thế và cột BTLT trồng mới. Toàn bộ hệ thống chiếu sáng được trang bị bộ đóng, ngắt tự động.

Tổng công suất tiêu thụ khoảng: 5.139 KVA

e). Thông tin liên lạc:

Các điểm Bưu điện và hệ thống thông tin liên lạc theo quy hoạch phát triển mạng lưới Viễn thông Bắc Kạn đã được UBND tỉnh phê duyệt.

g). Thoát nước mưa:

Nước mưa được thu gom vào các rãnh hờ (rãnh đón) thoát nước và các giếng thu trên đường giao thông sau đó gom vào các tuyến cống BTCT đặt trên hệ thống giao thông chính rồi xả ra sông Cầu và hệ thống suối.

h). Vệ sinh môi trường:

Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt từ các khu chức năng được thu bằng hệ thống cống kín. Cống thoát nước thải sử dụng cống BTCT đi ngầm, lợi dụng độ dốc của địa hình để tận dụng đảm bảo độ dốc tối thiểu  $i_{min} = 1/d$ , vận không lắng  $v_{min} > 0,7 \text{ m/s}$ ;  $v_{max} < 4 \text{ m/s}$ , tại các khu vực có địa hình dốc, độ cao chuyên bậc lớn hơn 0,5 m sử dụng các hố ga tiêu năng. Sử dụng các tuyến ống kết cấu BTCT. Kích thước đường ống từ D200 đến D400. Trên mạng lưới đường ống dẫn nước thải bố trí 4 trạm bơm nước thải. Tổng nhu cầu thoát nước thải khoảng: 703 m<sup>3</sup>/ngđ;

Rác thải: Bố trí các thùng rác lớn trong khu chức năng và khu dân cư, khu công viên, công trình công cộng với khoảng cách 60 - 80 m/thùng; rác thải được thu gom rồi tập kết tại các điểm trung chuyển rác thải sau đó được chuyển về khu

xử lý rác thải Khuổi Mật xã Huyện Tụng diện tích 12 ha (theo Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2020 và định hướng đến năm 2030);

Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt sau khi thu gom theo dịch vụ vệ sinh môi trường được tập kết vận chuyển vào khu xử lý chất thải rắn tập trung của thị xã Bắc Kạn để xử lý.

i). Đánh giá tác động môi trường:

Các dự án, công trình xây dựng trong khu quy hoạch phải xây dựng trạm xử lý nước thải và bể tự hoại đạt tiêu chuẩn theo quy định để xử lý nước thải cục bộ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung; có biện pháp tổ chức thi công hợp lý, giảm thiểu tác động có hại tới môi trường không khí, giảm thiểu tác động có hại của rác thải.)

k). Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn ngân sách Nhà nước và xã hội hoá.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch chi tiết được duyệt, Ban xây dựng đề án thành phố, phòng Quản lý đô thị, Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

a). Tổ chức công bố và cắm mốc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện; tham mưu giúp UBND thị xã Bắc Kạn ban hành quy chế quản lý khu đô thị theo quy định;

b). Ban xây dựng đề án thành phố phối hợp chặt chẽ với phòng Quản lý đô thị, các phòng, ban chức năng liên quan có trách nhiệm quản lý, triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị Huyện Tụng, thị xã Bắc Kạn theo quy định hiện hành;

c). Khi bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: giao thông, cấp nước, cấp điện, Bưu chính - Viễn thông, ... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND - UBND, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban xây dựng đề án thành phố; Chủ tịch UBND xã Huyện Tụng; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Hà Nội II chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- TT.T.Ủy, HĐND thị xã;
- TT.UBND thị xã;
- Lưu: VT, QLĐT(Hạnh 16 b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lèng Văn Chiên